|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH***(Đề thi gồm 04 trang)* | **KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

\* GV ra đề: Nguyễn Văn Mạnh

Đơn vị công tác: THPT Chuyên Bắc Ninh

\* GV thẩm định: Dương Thị Thanh Nga

Đơn vị công tác: THPT Chuyên Bắc Ninh

**Câu 41.** Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A,

GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 854953,1 | 1014090,4 | 1121139,1 | 1059146,1 |
| Ma-lai-xi-a | 298716,0 | 321384,1 | 364616,1 | 337286,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

 **A.** In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a.  **B.** Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn In-đô-nê-xi-a.

 **C.** Ma-lai-xi-a tăng gấp đôi In-đô-nê-xi-a.  **D.** In-đô-nê-xi-a thấp hơn hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 42.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

 **A.** Trường Sa. **B.** Thanh Hóa. **C.** Cần Thơ. **D.** Hoàng Sa.

**Câu 43.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây?

 **A.** Tuyên Quang. **B.** Thác Bà. **C.** Nậm Mu. **D.** Hòa Bình.

**Câu 44.** Khí tự nhiên là sản phẩm của ngành công nghiệp

 **A.** năng lượng. **B.** luyện kim. **C.** hóa chất. **D.** cơ khí.

**Câu 45.** Cho biểu đồ:

2 

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂY, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi giá trị xuất khẩu, nhập khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây?

 **A.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.  **B.** Nhập khẩu tăng gấp hai lần xuất khẩu.

 **C.** Xuất khẩu tăng ít hơn nhập khẩu.  **D.** Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

**Câu 46.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** Nhơn Hội. **B.** Vân Đồn. **C.** Vũng Áng. **D.** Chu Lai.

**Câu 47.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây có than bùn?

 **A.** Sóc Trăng. **B.** Cà Mau. **C.** Trà Vinh. **D.** Bạc Liêu.

**Câu 48.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra Biển Đông qua cửa Hội?

 **A.** Sông Gianh. **B.** Sông Ba. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Mã.

**Câu 49.** Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

 **A.** thay đổi tích cực. **B.** còn kém đa dạng.

 **C.** phân bố đồng đều. **D.** phát triển rất chậm.

**Câu 50.** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng

 **A.** cao su. **B.** dừa. **C.** cà phê. **D. c**hè.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết hồ nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Hồ Yaly. **B.** Biển Lạc. **C.** Biển Hồ. **D.** Hồ Lắk.

**Câu 52.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?

 **A.** Lao Bảo. **B.** Cha Lo. **C.** Cầu Treo. **D.** A Đớt.

**Câu 53.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 đi qua địa điểm nào sau đây?

 **A.** Đồng Xoài. **B.** Di Linh. **C.** Đà Lạt. **D.** Nha Trang.

**Câu 54.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, khu dự trữ sinh quyển thế giới ở nước ta là

 **A.** Núi Chúa. **B.** Tràm Chim. **C.** Cần Giờ. **D.** Yok Đôn.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có quặng sắt?

 **A.** Sơn Động. **B.** Na Dương. **C.** Trại Cau. **D.** Sơn Dương.

**Câu 56.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào

sau đây có nhiều ngành nhất?

 **A.** Huế. **B.** Quy Nhơn. **C.** Đà Nẵng. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 57.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

 **A.** Đồng Xoài. **B.** A Yun Pa. **C.** Bảo Lộc. **D.** Gia Nghĩa.

**Câu 58.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Phú Thọ?

 **A.** Thanh Hóa. **B.** Hà Giang. **C.** Yên Bái. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 59.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây có đỉnh cao nhất?

 **A.** Chư Yang Sin. **B.** Ngọc Krinh. **C.** Kon Ka Kinh. **D.** Ngọc Linh.

**Câu 60.** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

 **A.** làm ruộng bậc thang. **B.** đẩy mạnh thâm canh.

 **C.** bón phân thích hợp. **D.** tiến hành tăng vụ.

**Câu 61.** Khu vực đồi núi nước ta thường xảy ra

 **A.** lũ quét. **B.** triều cường. **C.** cát bay. **D.** ngập lụt.

**Câu 62.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

 **A.** Ninh Bình. **B.** Hải Phòng. **C.** Nam Định. **D.** Hà Nam.

**Câu 63.** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay chủ yếu

 **A.** dựa vào đồng cỏ tự nhiên. **B.** lấy sức kéo cho nông nghiệp.

 **C.** cung cấp sản phẩm xuất khẩu. **D.** phát triển ở các đồng bằng.

**Câu 64.** Hoạt động nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta hiện nay

 **A.** còn nhiều tiềm năng phát triển. **B.** chủ yếu tập trung ở miền núi.

 **C.** chỉ phục vụ thị trường nội địa. **D.** có sản lượng ít hơn khai thác.

**Câu 65.** Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta hiện nay?

 **A.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

 **B.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

 **C.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

 **D.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**Câu 66.** Lao động nước ta hiện nay

 **A.** cònthiếu kinh nghiệm sản xuất. **B.** trình độ đang được nâng lên.

 **C.** tập trung chủ yếu ở thành thị. **D.** có tác phong công nghiệp cao.

**Câu 67.** Các đảo ven bờ của nước ta

 **A.** có nhiều mỏ khoáng sản. **B.** có nhiều rừng ngập mặn.

 **C.** tập trung dân số đông. **D.** chủ yếu là đảo nhỏ.

**Câu 68.** Vùng đất của nước ta

 **A.** có diện tích lớn hơn nhiều vùng biển.

 **B.** gồm phần đất liền và các đảo ven bờ.

 **C.** có đường biên giới ngắn nhất với Lào.

 **D.** gồm toàn bộ phần đất liền và hải đảo.

**Câu 69.** Các đô thị ở nước ta hiện nay

 **A.** có hệ thống giao thông rất hiện đại.  **B.** đều là các trung tâm du lịch khá lớn.

 **C.** chiếm tỉ lệ dân số cao hơn nông thôn.  **D.** tập trung nhiều lao động có kĩ thuật.

**Câu 70.** Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

 **A.** hoàn toàn là đường bay nội địa.

 **B.** có khối lượng vận chuyển lớn nhất.

 **C.** phân bố đồng đều trên cả nước.

 **D.** chủ yếu vận chuyển hành khách.

**Câu 71.** Giải pháp chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay là

 **A.** phát triển hạ tầng, dịch vụ thú y, công nghiệp chế biến thực phẩm.

 **B.** đẩy mạnh chế biến, tăng lao động, đa dạng hóa nguồn thức ăn.

 **C.** lai tạo giống mới, cải tạo đồng cỏ, mở rộng thị trường tiêu thụ.

 **D.** phát triển trang trại, áp dụng kĩ thuật, gắn với chế biến, dịch vụ.

**Câu 72.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

 **A.** sản xuất trong nước phát triển, hệ thống bán lẻ rộng khắp.

 **B.** nguồn hàng nhập khẩu đa dạng, nhu cầu mua sắm tăng.

 **C.** hàng hóa phong phú, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

 **D.** hình thành hệ thống trung tâm thương mại, chợ, siêu thị.

**Câu 73.** Cho biểu đồ về giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2013 - 2020:



*(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu.

 **B.** Quy mô, cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu.

 **C.** Quy mô giá trị xuất, nhập khẩu.

 **D.** Sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu.

**Câu 74.** Giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao giá trị sản xuất lâm nghiệp ở Tây Nguyên là

 **A.** tăng cường trồng rừng, mở rộng quy mô các lâm trường.

 **B.** bảo vệ các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

 **C.** đẩy mạnh chế biến gỗ tại chỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

 **D.** ngăn chặn nạn phá rừng và đẩy mạnh giao đất, giao rừng.

**Câu 75.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** thu hút đầu tư nước ngoài, hiện đại hóa sản xuất và cơ sở hạ tầng.

 **B.** khai thác tiềm năng, hạn chế thiên tai và hiện đại hóa sản xuất.

 **C.** bảo vệ chủ quyền biển đảo, tạo việc làm và tăng thêm thu nhập.

 **D.** nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên.

**Câu 76.** Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô chủ yếu là do

 **A.** địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

 **B.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.

 **C.** có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.

 **D.** nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.

**Câu 77.** Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

 **A.** đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

 **B.** thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.

 **C.** đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo ra nhiều lợi nhuận.

 **D.** tăng chất lượng sản phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.

**Câu 78.** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp tuyến đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

 **A.** nâng cao khả năng vận chuyển, tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển của vùng.

 **B.** thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.

 **C.** tạo thế mở cửa cho nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và giao thương với các nước.

 **D.** tạo thế liên hoàn theo chiều Bắc - Nam, Đông – Tây và đẩy mạnh giao lưu với các vùng.

**Câu 79.** Phần lãnh thổ phía Bắc có nhiều biến động thời tiết vào mùa đông chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A.** Tín phong bán cầu Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của các dãy núi.

 **B.** Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.

 **C.** Gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.

 **D.** Hoạt động của frông, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao của địa hình.

**Câu 80.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2020** |
| Cây hàng năm | 11214,3 | 11700,0 | 11498,1 | 10871,1 |
| Cây lâu năm | 2846,8 | 3245,3 | 3403,9 | 3616,3 |
| Tổng số | 14061,1 | 14945,3 | 14902,0 | 14487,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Miền. **D.** Tròn.

***------ HẾT ------***

- *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

- *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*.